TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ---***--- Số: 50/2023/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Khoái Châu, ngày 07 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Phan Thị L**, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT: Thị tứ P, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện trú tại: Thôn B, xã B1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn D**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thị tứ P, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 - Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 30/3/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Văn D.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

****/ Về con chung:*** Bà L và ông D đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 31/8/2002 và Nguyễn Ngọc B2, sinh ngày 23/3/2004 đều đã khôn lớn, trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, không còn phụ thuộc vào bố mẹ nên bà L và ông D đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:*** Bà L và ông D đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về án phí:*** Bà Phan Thị L tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0008101 ngày 09/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên bà L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã P;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Thị Thu H